|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn** | **Dạy** | **Ngày** | ***10/ 3/2023******10/ 3/2023******13/3/2023*** | ***15/ 3 /2023******15/ 3 /2023******16/ 3 /2023*** | ***8/ 3/2023******8/ 3 /2023******13/ 3 /2023*** |
|  ***1/ 3 /2023*** | **Tiết (TKB)** | ***3/4/4*** | ***4/5/4*** | ***1/3/4*** |
| **Lớp** | ***7C2*** | ***7C3*** | ***7C4*** |

|  |
| --- |
| **Tiết 97, 98, 99****ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (1)****TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA****– *Hồ Chí Minh* –** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Biết được đặc điểm của văn bản nghị luận xã hội qua tìm hiểu văn bản *“Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”*.

- Hiểu được nội dung chính của văn bản.

*-* Vận dụng kĩ năng đọc hiểu, đọc thêm 1-2 văn bản nghị luận (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có độ dài tương đương với các văn bản đã học.

**2. Về năng lực**

**\* Năng lực chung:** Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác

**\* Năng lực đặc thù:** năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học

**3. Về phẩm chất:**

Yêu nước, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1.Thiết bị: Máy chiếu,ti vi

2.Học liệu:

 - SGK, tài liệu tham khảo

- Phiếu học tập:

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.HOẠT ĐỘNG 1.MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Khơi gợi kiến thức nền, tạo tâm thế để học sinh bước vào giờ học hiệu quả.

**b. Nội dung:** Học sinh báo cáo, chia sẻ những hiểu biết về nghị luận xã hội.

**c. Sản phẩm:** Phần trả lời thể hiện hiểu biết của học sinh.

**b. Tổ chức hoạt động:** Tổ chức trò chơi “Mít đặc biết tuốt” trên cơ sở phiếu học tập1

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Câu hỏi tìm hiểu*** |  |
| *(1)Muốn bày tỏ ý kiến, quan điểm về một vấn đề văn học hay vấn đề xã hội thì cần tạo lập kiểu văn bản nào?* |  |
| *(2) Mục đích của việc tạo lập văn bản nghị luận là gì?* |  |
| *(3)Trong chương trình ngữ văn học kì I em đã được học kiểu văn bản nghị luận nào?* |  |
| *(4) Mục đích của văn bản nghị luận văn học là gì?* |  |
| *(5) Em muốn viết bài suy nghĩ về hiện tượng học qua loa, đối phó của một số bạn trong lớp, em sẽ tạo lập kiểu văn bản nào?* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **CÁCH THỨC TỔ CHỨC** | **HOẠT ĐỘNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** **- GV** yêu cầu HS thảo luận thống nhất cặp đôi nội dung phiếu học tập 1, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập qua trò chơi **“*Mít đặc biết tuốt*”****- Cách thực hiện:** Cặp đôitham gia trò chơi- một người dẫn chương trình sẽ lần lượt nêu những câu hỏi theo nội dung phiếu học tập 1 người còn lại trong vai “***Mít đặc***” sẽ trả lời các câu hỏi đó.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- Học sinh thảo luận thống nhất nội dung và cách chia sẻ cặp đôi theo hình thức tham gia trò chơi.- GV theo dõi, hỗ trợ học sinh nếu cần.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS: tham gia trả lời gói câu hỏi**Bước 4: Đánh giá, kết luận**- Học sinh và giáo viên đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cặp đôi tham gia.- GV chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. |  |

**DỰ KIẾN ĐÁP ÁN PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi tìm hiểu** | **Sản phẩm dự kiến** |
| *(1)Muốn bày tỏ ý kiến, quan điểm về một vấn đề văn học hay vấn đề xã hội thì cần tạo lập kiểu văn bản nào?* | Tạo lập văn bản nghị luận |
| *(2) Mục đích của việc tạo lập văn bản nghị luận là gì?* | Thuyết phục người đọc người nghe về một vấn đề nào đó. |
| *(3) Trong chương trình Ngữ văn học kì I em đã được học kiểu văn bản nghị luận nào?* | Chương trình ngữ văn kì I đã tìm hiểu về văn bản nghị luận văn học. |
| *(4) Mục đích của văn bản nghị luận văn học là gì?* | Thuyết phục người đọc về một vấn đề đề văn học thường là tập trung phân tích vẻ đẹp về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn học. |
| *(5) Em muốn viết bài suy nghĩ về hiện tượng học qua loa, đối phó của một số bạn trong lớp, em sẽ tạo lập kiểu văn bản nghị luận nào?* | Nghị luận xã hội |

 |

**GV chốt ý:** Trong chương trình ngữ văn học kì I, các em đã được tìm hiểu văn bản nghị luận về tác phẩm văn học. Sang học kì II, các em sẽ tiếp tục được học tập kiểu văn bản nghị luận về vấn đề của đời sống xã hội. Bài học số 8 sẽ giúp các em được rèn luyện kĩ năng nhận biết các yếu tố hình thức, nội dung của kiểu văn bản này

**2.HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu:** Khơi gợi kiến thức ngữ văn về văn bản nghị luận xã hội.

Nhận biết thông tin chính cơ bản về lãnh tụ Hồ Chí Minh và văn bản.

Học sinh nhận biết được chi tiết hệ thống luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng của văn bản.

**b. Nội dung:** HS tham gia trả lời cá nhân kiến thức ngữ văn về đặc điểm của văn bản nghị luận xã hội.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.

- HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.

**c. Nội dung:** Phần trả lời thể hiện sự hiểu biết của học sinh.

**d.Tổ chức dạy học:** Kĩ thuật động não, yêu cầu học sinh trả lời cá nhân câu hỏi thể hiện sự hiểu biết.

HS thảo luận nhóm thực hiện trò chơi đóng vai “Tập làm hướng dẫn viên”- giới thiệu thông tin về chủ tịch Hồ Chí Minh, sau đó chia sẻ cặp đôi thông tin chung về văn bản.

Học sinh làm việc cá nhân hoàn thiện phiếu học tập 2,3

|  |  |
| --- | --- |
| **CÁCH THỨC TỔ CHỨC** | **HOẠT ĐỘNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV yêu cầu HS trả lời cá nhân câu hỏi:**(***1)Thế nào và văn bản nghị luận xã hội?**(2) Nêu đặc điểm của văn bản nghị luận xã hội.***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS: Suy nghĩ trả lời cá nhân câu hỏi.GV theo dõi, hỗ trợ học sinh nếu cần**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**HS: tham gia trả lời câu hỏi và nhận xét lẫn nhau.*GV góp ý phần trả lời của học sinh***Bước 4: Đánh giá, kết luận**- HS tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập trên cơ sở đáp án giáo viên cung cấp.***- GV chiếu trên máy các ý:***+ Khái niệm văn nghị luận.+ Đặc điểm văn nghị luận.+ GV bổ sung thêm: Nghị luận xã hội gồm có nghị luận về hiện tượng xã hội và nghị luận về tư tưởng đạo đức lối sống. | **I. KIẾN THỨC NGỮ VĂN****1. Đặc điểm của văn bản nghị luận xã hội.****- Khái niệm:** Văn nghị luận xã hội được viết ra nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một tư tưởng, quan điểm nào đó, hướng tới giải quyết những vấn đề đặt ra trong đời sống.**- Đặc điểm của văn nghị luận xã hội:**+ Phương tiện để thuyết phục người đọc người nghe: lí lẽ, dẫn chứng cụ thể chính xác.+ Căn cứ lựa chọn vấn đề nghị luận: xuất phát từ yêu cầu thực tế. **Ví dụ:**+ Văn bản *“Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*” (Hồ Chí Minh) xuất phát từ yêu cầu thực tế đề cao lòng yêu nước phục vụ cho kháng chiến.+ Văn bản “*Đức tính giản dị của Bác Hồ*” (Phạm Văn Đồng) xuất phát từ yêu cầu của đạo đức cách mạng. |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu tác giả- lãnh tụ Hồ Chí Minh****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**Gv yêu cầu HS đề xuất cách đọc văn bảnGv yêu cầu HS đọc VBGV yêu cầu HS trả lời cá nhân nhiệm vụ:TRÒ CHƠI: “TẬP LÀM HƯỚNG DẪN VIÊN”**Tình huống:** Có một đoàn du khách nước ngoài đến thăm Việt Nam và muốn tìm hiểu về Hồ Chí Minh**.** Nếu là hướng dẫn viên du lịch em sẽ giới thiệu những gì cho đoàn du khách đó.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS suy nghĩ cách báo cáo bài tập dự án đã giao- GV khích lệ học sinh trả lời**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**- HS trình bày cá nhân bài tập dự án- Các HS khác lắng nghe góp ý, HS trả lời câu hỏi của GV.**Bước 4: Kết luận, nhận định.**- HS và GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh**-** *GV cho HS theo dõi vi deo tư liệu*(YouTube: <https://www.youtube.com/watch?v=8Ok4V6AGY5M>)*Yêu cầu HS chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ về Bác Hồ qua phần trình bày của bạn và xem vi deo tư liệu.****GV chốt:***Trong sâu thẳm trái tim mỗi người Việt Nam đều rất đỗi tự hào: “Tháp Mười đẹp nhất bông Sen Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ” Chủ tịch Hồ Chí Minh vị cha già muôn vàn kính yêu của dân tộc Việt Nam, dù Người đi xa nhưng tên tuổi của Bác sống mãi trong lòng dân tộc và trái tim nhân loại. Nhớ về Người là ta nhớ tới một trái tim yêu nước vĩ đại, một anh hùng giải phóng dân tộc, một lãnh tụ kính yêu đồng thời là nhà văn nhà thơ lớn của dân tộc. Mỗi tác phẩm thơ ca của Bác đều là tiếng nói trái tim chân thành thức tỉnh lòng người.**Nhiệm vụ 2: Báo cáo kết quả tìm hiểu chung về văn bản****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**GV yêu cầu HS thực hiện chia sẻ cặp đôi hoàn thiện nội dung phiếu học tập 2**PHIẾU HỌC TẬP 2:** *1. Nêu cách đọc văn bản và chia sẻ kết quả tìm hiểu những từ ngữ khó trong quá trình đọc văn bản.**.*..............................................................................................................................................................................................................*2. Qua việc đọc văn bản ở nhà, hãy chia sẻ kết quả đọc của em trên cơ sở trả lời các câu hỏi sau:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Trả lời** |
| (1) Nêu xuất xứ, hoàn cảnh ra đời của văn bản. |  |
| (2) Xác định kiểu văn bản và cho biết văn bản nghị luận về vấn đề gì của đời sống xã hội. |  |
| (3) Nhan đề văn bản có liên quan đến vấn đề ấy như thế nào? |  |
| (4) Xác định nội dung chính của từng phần trong văn bản *“Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”.* |  |
| (5) Mục đích nghị luận của văn bản này là gì? |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Đại diện các cặp đôi báo cáo kết quả- Các cặp đôi khác lắng nghe góp ý**Bước 4: Đánh giá, kết luận:**- HS đánh giá nhóm bạn.- GV chiếu đáp án – HS tự bổ sung | **II. Đọc- tìm hiểu chung****1.Đọc****2. Tìm hiểu chung****a. Tác giả**- Hồ Chí Minh (1890 - 1969)- Quê ở Nam Đàn- Nghệ An- Là anh hùng giải phóng dân tộc, lãnh tụ vĩ đại của dân tộc và cách mạng Việt Nam.- Là một nhà văn, nhà thơ lớn, danh nhân văn hóa thế giới.**b.Tác phẩm****\* Tìm hiểu từ ngữ:**+ *Kiều bào*: Người dân một nước sinh sống ở nước ngoài.+ *Vùng bị tạm chiếm*: vùng đất đang bị tạm chiếm đồng thời bị giặc chiếm đóng.+ H*ậu phương*: Ở vùng phía sau mặt trận, có nhiêm vụ đáp ứng, chi viện cho tiền tuyến.**\* Xuất xứ văn bản:** Văn bản trích trong *Báo cáo Chính trị của chủ tịch Hồ Chí Minh tại đại hội lần thứ II,* tháng 2 năm 1951 của Đảng Lao động Việt Nam**\* Kiểu văn bản và nội dung nghị luận.** - Kiểu văn bản: Nghị luận về vấn đề xã hội.- Vấn đề nghị luận**:** Lòng yêu nước của nhân dân ta.- Nhan đề: thể hiện vấn đề nghị luận.**d. Bố cục** **Phần 1 (Mở bài)** Nêu vấn đề nghị luận: Nêu ý kiến khái quát, khẳng định nhân dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước và nêu lên giá trị của lòng yêu nước- đó là truyền thống quý báu của dân tộc và có sức mạnh to lớn trong các cuộc chiến đấu chống xâm lược.**Phần 2 (**Thân bài): Chứng minh vấn đề qua lí lẽ, dẫn chứng về tinh thần yêu nước trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc và trong cuộc kháng chiến hiện tại.**Phần 3** (Kết bài): Nêu giá trị của lòng yêu nước và trách nhiệm của Đảng trong việc phát huy tinh thần yêu nước của nhân dân.**\*****Mục đích nghị luận:**- Giúp mọi người nhận thức được yêu nước là truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam.- Truyền thống yêu nước cần được phát huy trong hoàn cảnh lịch sử mới để xây dựng và bảo vệ đất nước. |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** *GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân nội dung phiếu học tập 1***PHIẾU HỌC TẬP 3****Nhiệm vụ:****Đọc đoạn 1 của văn bản và trả lời các câu hỏi:**(1) Nhắc lại vấn đề nghị luận của văn bản và tìm câu văn trong đoạn thể hiện vấn đề nghị luận. (2) Chỉ ra nét đặc sắc trong trình tự triển khai ý, cách dùng từ, diễn đạt của tác giả trong phần mở đầu và hiệu quả của chúng***.*****Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS trình bày cá nhân câu hỏi.- HS khác nghe, bổ sung ý kiến.**Bước 4: Đánh giá, kết luận**- HS đánh giá phần trả lời của bạn.- Giáo viên nhận xét, chốt kiến thức**Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu cách triển khai vấn đề của tác giả.****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** *Giáo viên yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thiện phiếu học tập 3 và báo cáo theo kĩ thuật công đoạn.***PHIẾU HỌC TẬP 4**

|  |
| --- |
| ***(****1). Hãy dẫn ra một số ví dụ về ý kiến, lí lẽ và các bằng chứng được tác giả nêu lên trong văn bản theo mẫu* |
| **Lí lẽ** | **Bằng chứng** |
|  |  |
| .......................................... | .................................................. |
| (*2)Trong phần (2) của văn bản các bằng chứng được sắp xếp theo trình tự nào?*............................................................ |
| (3). *Mô hình liệt kê theo mẫu câu: “ Từ... đến....” đã giúp tác giả thể hiện được điều gì?* |
| (4) *Việc liệt kê tên các nhân vật lịch sử ở phần 2 có tác dụng gì?* |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận thống nhất nội dung phiếu học tập**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Đại diện các nhóm treo phiếu ghi trên tờ A0 đã thống nhất.- Đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả và các nhóm khác lắng nghe bổ sung theo kĩ thuật công đoạn:+ Nhóm 1: Câu 1+ Nhóm 2: Câu 2,3, 4**Bước 4: Đánh giá, kết luận**- GV đánh giá việc chuẩn bị, trình bày của các nhóm.- Giáo viên chốt kiến thức**- GV lưu ý học sinh về thủ pháp liệt kê được tác giả sử dụng trong phần 2:**+ Trong nói viết khi đối tượng nghị luận có nhiều phần, nhiều mặt, nhiều biểu hiện thì cần dùng thủ pháp liệt kê để làm rõ sự phong phú, đa dạng của đối tượng.+ *Với Phạm Văn Đồng ông đã sử dụng liệt kê thích hợp có tác dụng thể hiện sự phong phú với sự biểu hiện đa dạng của lòng yêu nước trong nhân dân****,*** mọi tầng lớp, giai cấp, lứa tuổi ở mọi địa phương.+ *Với mô hình “ từ... đến” đó là liệt kê theo cặp*không phải được sắp xếp một cách tùy tiện mà đều có quan hệ hợp lí, sắp xếp theo cùng bình diện như lứa tuổi, tầng lớp, giai cấp địa bàn nơi cư trú.**Nhiệm vụ 3:** **Hướng dẫn HS nhận biết mục đích và mối quan hệ giữa mục đích với các yếu tố khác trong bài nghị luận.****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS trả lời cá nhân: Theo em mục đích của văn bản này là gì? Các lí lẽ, bằng chứng đã làm sáng tỏ mục đích ấy như thế nào?**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS suy nghĩ cá nhân câu hỏi**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS trình bày ý kiến, HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bạn.**Bước 4: Đánh giá, kết luận**- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của học sinh, **Nhiệm vụ 4: Hướng dẫn HS tìm hiểu phần (3) kết thúc vấn đề****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV chiếu đoạn cuối và yêu cầu HS đọc đoạn 3 của văn bản **Yêu cầu HS trả lời câu hỏi 6 SGK:**(1) Nội dung chính của phần này là gì?(2) Chỉ ra cách lập luận của Bác và tác dụng của lối lập luận ấy? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS suy nghĩ cá nhân câu hỏi**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS trình bày ý kiến, HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bạn.**Bước 4: Đánh giá, kết luận**- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của học sinh- **GV chốt kiến thức qua sơ đồ tư duy:****Text  Description automatically generated with medium confidence**  | **III. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN****1. Vấn đề nghị luận và trình tự triển khai vấn đề**- **Vấn đề nghị luận**: Lòng yêu nước của nhân dân ta.**- Câu văn thể hiện:** Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.**- Cách triển khai vấn đề:** Trực tiếpnêu vấn đề nghị luận:+ Nêu ý kiến khái quát khẳng định dân ta có một lòng yêu nước nồng nàn.+ Khẳng định giá trị của vấn đề nghị luận - giá trị của lòng yêu nước.+ Dùng câu văn mang hàm ý khẳng định, so sánh sinh động lòng yêu nước với làn sóng mạnh mẽ, sử dụng câu văn dài, các điệp từ, giọng văn hùng hồn.**+** Dùng các động từ mạnh với sắc thái khác nhau (kết thành, lướt qua, nhấn chìm)*=> Gợi tả, khẳng định sức mạnh to lớn của lòng yêu nước, tạo khí thế mạnh mẽ cho lời văn, gây sự xúc động cho người nghe.***2. Giải quyết vấn đề: Chứng minh biểu hiện của lòng yêu nước**

|  |
| --- |
| **Ý kiến:** Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước |
| **Lí lẽ** | **Bằng chứng** |
| - Lịch sử ra đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. | - Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... |
| -Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta từ trước. | - Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào vùng tạm bị tạm chiếm, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc.-Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận..., đến những công chức ở hậu phương..., từ những phụ nữ..., cho đến các bà mẹ chiến sĩ ...như con đẻ của mình. - Từ những nam nữ công nhân và nông dân ...kháng chiến, cho đến những đồng bào điền chủ quyên đất ruộng cho Chính phủ… |
| **-** Trình tự sắp xếp dẫn chứng:*+ Trình tự thời gian* (từ xưa đến nay)+ *Theo lứa tuổi* (từ cụ già đến các cháu nhi đồng, từ những phụ nữ đến các bà mẹ...)+*Theo vùng miền* (từ miền ngược đến miền xuôi, từ đồng bào trong nước đến kiều bào nước ngoài, từ tiền tuyến đến hậu phương...) |
| - Mô hình liệt kê theo mẫu câu: “ Từ...đến....” đã giúp tác giả thể hiện được:+ Sự đầy đủ, toàn diện, rộng khắp... về các biểu hiện đa dạng cho tình yêu nước của nhân dân ta. |

**-** Liệt kê các nhân vật lịch sử để chứng minh cho lời khẳng định ở phần mở bài, làm tăng sức hấp dẫn thuyết phục người đọc, người nghe.\* **Mục đích và mối quan hệ giữa mục đích với các yếu tố trong bài nghị luận**.***- Lí lẽ, dẫn chứng làm rõ cho ý kiến:*** + Để làm rõ ý kiến của mình (lòng nồng nàn yêu nước của dân ta). Bác đã dùng các lí lẽ và chủ yếu là bằng chứng có trong lịch sử và hiện thực cuộc kháng chiến của dân tộc.+ Hệ thống dẫn chứng lí lẽ vô cùng sinh động, phong phú, toàn diện và đầy sức thuyết phục, không ai có thể bác bỏ được. -> Bác đã đạt được mục đích đề ra.\* **Phần 3: Kết thúc vấn đề***- Khẳng định về cách biểu hiện đáng quý của lòng yêu nước:*+ Có khi được trưng bày... -> nhìn thấy, biểu lộ rõ ràng, đầy đủ. + Có khi được cất giấu kín đáo... ->Không nhìn thấy mà tiềm tàng kín đáo.*- Khẳng định nhiệm vụ của Đảng:*+ Làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày.+ Làm cho tinh thần yêu nước của mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, yêu công việc kháng chiến.***-*** *Nghệ thuật lập luận: Sử* dụng nghệ thuật so sánh để khẳng định đề cao tinh thần yêu nước của nhân dân ta, giúp mọi người nhận thức rõ lòng yêu nước được tồn tại dưới 2 dạng. Cuối cùng khẳng định nhiệm vụ của Đảng:=>Đây là cách lập luận chặt chẽ, thuyết phục. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV chiếu câu hỏi yêu cầu HS trả lời cá nhân**:**(1) Khái quát đặc sắc nội dung nghệ thuật của văn bản?  (2)Qua văn bản này, em học được gì về cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (lựa chọn vấn đề nghị luận, bố cục bài viết, lựa chọn và nêu bằng chứng, diễn đạt?**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS: Suy nghĩ cá nhân và trả lờiGV: hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).**Bước 3: Báo cáo, thảo luận****HS**: Trình bày ý kiến và sản phẩm sơ đồ tư duy biểu thị nội dung bài học**GV**:- Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS- GV chốt lại nội dung bài học  | **IV. Tổng kết****1. Nghệ thuật***- Luận điểm ngắn gọn, súc tích.**- Lập luận chặt chẽ; dẫn chứng toàn diện, tiêu biểu, chọn lọc.**- Sử dụng hiệu quả nghệ thuật so sánh, liệt kê...* làm cho người đọc hình dung cụ thể về sức mạnh của tinh thần yêu nước, trạng thái của tinh thần yêu nước, biểu hiện đa dạng của tinh thần tình yêu nước trong nhân dân.- *Tác giả đã sử dụng từ ngữ gợi hình ảnh* thể hiện sức mạnh với những sắc thái khác nhau. *Kết thành, lướt qua, nhấn chìm* **2. Nội dung:** - Khẳng định, chứng minh truyền thống yêu nước quý báu của nhân dân ta.- Cho thấy truyền thống yêu nước quý báu của nhân dân ta cần được phát huy trong hoàn cảnh lịch sử mới để bảo vệ đất nước.**3. Bài học về cách viết bài văn nghị luận một vấn đề xã hội:****- Lựa chọn vấn đề nghị luận** (lựa chọn đề tài): Chọn đề tài có ý nghĩa liên quan đến đời sống- vấn đề có tính thời sự và ý nghĩa- **Bố cục bài viết: Chặt chẽ** (Nêu vấn đề nghị luận-> Giải quyết vấn đề nghị luận bằng lí lẽ, dẫn chứng-> Kết thúc vấn đề (khẳng định, liên hệ mở rộng vấn đề)**- Lí lẽ và bằng chứng**: Tiêu biểu, chính xác, toàn diện, sinh động thuyết phục.**- Diễn đạt**: Sáng rõ, lời văn ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**  Củng cố khắc sâu kiến thức liên quan đến văn bản

**b. Nội dung:** Học sinh trả lời câu hỏi qua trò chơi “**Khu vười trên mây”**

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**BÀI 1: Trò chơi: “Khu vườn trên mây”**

 **Nhiệm vụ: Những chậu hoa đang rất cần được tưới nước để có thể phát triển. Hãy tưới nước cho chúng bằng cách cùng nhau trả lời những câu hỏi.**

**Câu 1:** *Bài văn“Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”được viết trong thời kỳ nào ?*

 A. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ

 B. Thời kỳ đất nước ta xây dựng CNXH ở miền Bắc

 C. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp

 D. Những năm đầu thế kỷ XX

 **ĐÁP ÁN: B**

**Câu 2.** *Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta diễn ra vào thời gian nào?*

1. 1930 – 1945 B. 1946 – 19541 C. 1954 – 1975 D. Sau 1975

**ĐÁP ÁN: B**

**Câu 3.** *Nội dung chính của văn bản được nêu ở vị trí nào?*

 A. Tiêu đề của văn bản C. Phần (1) của văn bản

 B. Phần (2) của văn bản D. Phần (3) của văn bản

 **ĐÁP ÁN: C**

**Câu 4.** *Tính "truyền thống" của lòng yêu nước được làm rõ trong văn bản bởi yếu tố nào ?*

 A. Chứng minh theo thời gian xưa - nay

B. Chứng minh bằng những biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước
C. Giải thích bằng lí lẽ

**ĐÁP ÁN: A**

**Câu 5.** *Câu hoặc cụm từ nào nêu chủ đề của phần (1) trong văn bản?*

 A. Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước

 B. Đó là một truyền thống quý báu của ta

 C.Từ xưa tới nay mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng thì tình thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn...

 D. Nó lướt qua mọi sự nguy hiểu, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả bè lũ bán nước và lũ cướp nước.

 **ĐÁP ÁN: A**

**Câu 6.** *Đoạn văn từ Đồng bào ta ngày nay đến lòng nồng nàn yêu nước đã trình bày dẫn chứng bằng biện pháp nghệ thuật nào là chính ?*

A. Liệt kê B. Điệp ngữ C. Nhân hóa D. Hoán dụ

**ĐÁP ÁN: A**

**Câu 7.** *Dòng nào phản ánh đúng nhất về văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” ?*

A*.* Bố cục chặt chẽ, lập luận rành mạch
B . Dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể, toàn diện,
C. Giọng văn giàu cảm xúc

 D*.* Văn bản nghị luận mẫu mực

**ĐÁP ÁN: D**

**Câu 8.** *Câu văn “Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,..” có vai trò gì trong đoạn (2) của văn bản?*

1. Là lí lẽ thuyết phục C. Là dẫn chứng nhấn mạnh làm rõ

 B. Là bình luận thể hiện thái độ D. Là lí giải cho dẫn chứng

**ĐÁP ÁN: B**

**Câu 9:** *Văn bản “Tinh thần yêu nước của hhân dân ta” có sức thuyết phục, làm người đọc xúc động bởi lí do nào sau đây?*

 A. Thực tế lòng yêu nước nồng nàn của người Việt Nam được nói đến trong văn bản

 B. Do cách trình bày của tác giả

 C. Bản thân Bác đã là tấm gương sáng của lòng yêu nước

 D. Cả ba ý trên

**ĐÁP ÁN: D**

**Câu 10.** *Ý nào* ***không*** *đúng khi nói về tư tưởng tình cảm của tác giả trong văn bản?*

 A. Tự hào về tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong lịch sử

 B. Ca ngợi những biểu hiện của lòng yêu nước của nhân dân ta trong thời điểm hiện tại

 C. Kêu gọi mọi người phát huy lòng yêu nước của dân tộc trong thời điểm hiện tại

 D. Đồng cảm với những nỗi vất vả, khổ cực của nhân dân ta từ xưa đến nay.

**ĐÁP ÁN: D**

**4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

 **a. Mục tiêu:** Học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học làm bài tập

 **b. Nội dung:** Học sinh hoàn thiện sản phẩm học tập liên quan đến truyền thống yêu nước.

 **c. Sản phẩm:** Sơ đồ tư duyvàsáng tạo “**Cây hoa tri thức”**

 **d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên hướng dẫn trên lớp, học sinh thực hiện ở nhà và báo cáo sản phẩm vào buổi họ sau:

**GÓC SÁNG TẠO “CÂY HOA TRI THỨC”**

 **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

 **Bài 1: Vẽ sơ đồ tư duy**: Khái quát nội dung nghệ thuật văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta bằng sơ đồ tư duy”

 **Bài 2: Sáng tạo “Cây hoa tri thức”**

GV hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập mang tên “Góc sáng tạo”. Mỗi nhóm học tập về nhà sẽ tạo một cây hoa tri thức

Nhiệm vụ chung:Tạo trên giấy A0 cây hoa tri thức mỗi bông hoa dán hình ảnh*về những tấm gương anh hùng yêu nước được liệt kê trong văn bản và ghi* câu thơ, câu hát biểu hiện về lòng yêu của những người con ưu tú đã góp phần làm nên truyền thống yêu nước của dân tộc.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

 - HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiêm vụ, cử báo cáo viên.

 - Học sinh tiếp tục thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ ở nhà.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận (Thực hiện ở đầu buổi học sau)**

 - Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm học tập của mình qua kĩ thuật phòng tranh.

 - HS các nhóm cùng trao đổi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

 - HS và giáo viên cùng đánh giá kết quả bài tập dự án của học sinh.

 - Giáo viên kết luận và chia sẻ cho học sinh thêm một số tư liệu về truyền thống yêu nước của dân tộc.

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**

**BÀI 1:**

 **SƠ ĐỒ TƯ DUY 1**



**\*Giao bài,hướng dẫn học bài,làm bài và chuẩn bị bài tiếp theo**

 ***Hướng dẫn học bài:***

- Đọc bài văn nhiều lần để nắm được cách lập luận.

- Kể tên một số văn bản nghị luận xã hội của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Tìm đọc truyện kể về tấm gương yêu nước

 ***Chuẩn bị bài***: *“Đức tính giản dị của Bác Hồ”.*

+ Tìm hiểu thơ ca về lối sống giản dị của Bác, biểu hiện trong lối sống, quan hệ với mọi người; trong việc làm…

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn** | **Dạy** | **Ngày** | ***16/ 3/2023******17/ 3 /2023******17/3 /2023*** | ***16/3/2023******22/ 3/2023******22/3 /2023*** | ***13/ 3 /2023******15/ 3/2023******15/ 3 /2023*** |
|  ***6 /3 2023*** | **Tiết (TKB)** | ***2/3/4*** | ***5/4/5*** | ***5/1/3*** |
| **Lớp** | ***7C2*** | ***7C3*** | ***7C4*** |

|  |
| --- |
| **TIẾT 100, 101,102****ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (2)****ĐỨC TÍNH GIẢN DỊ CỦA BÁC HỒ*****(Phạm Văn Đồng)*** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận xã hội:

- Đánh giá và phân tích được đức tính giản dị của Bác Hồ được biểu hiện trong lối sống, trong quan hệ với mọi người, trong việc làm và trong sử dụng ngôn ngữ nói, viết hằng ngày.

- Hiểu được cách nêu dẫn chứng và bình luận, nhận xét; giọng văn sôi nổi nhiệt tình của tác giả.

**2. Về năng lực**

**\* Năng lực chung:** Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác

**\* Năng lực đặc thù:** năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học

**3. Về phẩm chất:**

+ *Nhân ái:* HS biết tôn trọng, yêu thương mọi người xung quanh, yêu quý trân trọng văn hóa của dân tộc, sống giản dị hòa hợp với mọi người.

+ *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào thực tế đời sống của bản thân. Biết yêu quý và học tập theo Bác, biết sống giản dị phù hợp với lứa tuổi với hoàn cảnh gia đình và xã hội.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị dạy học**

 - Máy tính, máy chiếu đa năng (Ti vi)

**2. Học liệu:**

- SGK, tài liệu tham khảo

- Tranh ảnh, vi deo về Bác Hồ.

- Bài tập dự án: Sưu tầm thơ ca về Bác kính yêu minh họa cho hình ảnh về Bác Hồ

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế vui vẻ để học sinh bước vào giờ học

**b. Nội dung:** Tìm hiểu về đức tính giản dị của Bác Hỗ

**c. Sản phẩm:** Chi sẻcủa học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức học sinh xem clip.

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV cho HS xem clip về đức tính giản dị của Bác.

Video cho em hiểu thêm gì về Bác Hồ.

Sau khi xem xong clip trên, em có cảm xúc gì về Bác!

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**:HS suy nghĩ cá nhân

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**:

HS chia sẻ suy nghĩ về câu chuyện đôi đép cao su của Bác.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

- Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới

 *Nhắc đến Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta vô cùng tự hào, khâm phục, biết ơn Người. Vẻ đẹp trong lối sống của Người chính là sự giản dị và thanh cao. Viết về Người, nhà cách mạng nổi tiếng, người học trò xuất sắc của Bác, Phạm Văn Đồng đã có những nhận định vô cùng sâu sắc. Trong bài học hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu về vẻ đẹp giản dị của Bác Hồ dưới góc nhìn của nhà cách mạng Phạm Văn Đồng.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**:

Học sinh nắm được những nét chính về tác giả.

- Học sinh nhận biết được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng về đức tính giản dị của Bác Hồ. Từ đó nhận biết được mối quan hệ của ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng trong bài văn nghị luận.

**b. Nội dung.**

- GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm.

- HS suy trả lời câu hỏi, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

- Tổ chức học sinh tìm hiểu hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng theo bố cục các phần của văn bản.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS về thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục và nội dung, nghệ thuật của văn bản.

**d. Tổ chức hoạt động**

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích, bình giảng, nêu vấn đề

- Kỹ thuật: Động não.

**PHIẾU HỌC TẬP 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung tìm hiểu** | **Trả lời** |
| *(1) Tìm hiểu và chia sẻ thông tin về tác giả Phạm Văn Đồng.* |
| *(2) Tìm hiểu và chia sẻ thông tin về văn bản “Đức tính giản dị của Bác Hồ trên cơ sở các phương diện* |
|  *Nêu xuất xứ, hoàn cảnh ra đời* |  |
| *Phương thức biểu đạt và kiểu văn bản.* |  |
|  *Nội dung chính của văn bản.* |  |
| *Chỉ ra trình tự triển khai nội dung của tác giả? Từ đó nêu lên bố cục của văn bản?* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **CÁCH THỨC TỔ CHỨC** | **HOẠT ĐỘNG** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ****Gv yêu cầu HS đề xuất cách đọc văn bản**- GV chiếu phiếu học tập 1, yêu cầu HS báo cáo cá nhân nội dung phiếu học tập.**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**- Học sinh căn cứ nội dung đã chuẩn bị mạnh dạn, xung phong trả lời câu hỏi.**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**- Học sinh trả lời cá nhân theo kĩ thuật công đoạn:+ HS1: Chia sẻ thông tin về tác giả+ HS2: Chia sẻ thông tin về tác phẩm.+ Học sinh dưới lớp theo dõi, bổ sung cho bạn+ Giáo viên quan sát, hỗ trợ học sinh**Bước 4. Đánh giá, kết luận*****- GV chiếu trên máy*** dự kiến trả lời phiếu học tập 1 và kết luận vấn đề. | **I. Đọc- tìm hiểu chung****1. Đọc****2. Tìm hiểu chung****a. Tác giả**C:\Users\Personal\Desktop\73153adbd537bc8c0eb187c04d4c7a6b.jpg- Phạm Văn Đồng (1906 - 2000): Nhà cách mạng nổi tiếng và nhà văn hóa lớn, quê ở xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. - Ông tham gia cách mạng từ năm 1925, đã giữ nhiều cương vị quan trọng trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam, từng là Thủ tướng Chính phủ trên ba mươi năm. **2. Tác phẩm.****- Giải thích từ ngữ****- Xuất xứ:** *Trích trong bài: Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc, tinh hoa của thời đại, NXB sự thật, Hà Nội,1974)* Đây là bài diễn văn trong lễ kỉ niệm 80 năm ngày sinh của Bác (1970)**- Phương thức biểu đạt, kiểu văn bản** *Phương thức biểu đạt chính:* Nghị luận   *Kiểu văn bản*: Nghị luận chứng minh **-Vấn đề nghị luận***:* Đức tính giản dị của Bác Hồ**- Bố cục 2 phần:**Phần 1: đầu -> tuyệt đẹp: Nhận định về đức tính giản dị của Bác Hồ.Phần 2: Tiếp -> hết: Những biểu hiện của đức tính giản dị của Bác Hồ. |

**PHIẾU HỌC TẬP 2: Nhóm 1:**

|  |
| --- |
| **Câu 1:****a. Đức tính giản dị của Bác thể hiện như thế nào trong phần 2? Nhận xét về cách viết nghị luận của tác giả? Điều gì làm nên sức thuyết phục ở phần này?** |
| *- Biểu hiện đức tính giản dị:* |  |
| *- Nghệ thuật lập luận:* |  |
| *- Yếu tố tạo nên sức thuyết phục:* |  |

**PHIẾU HỌC TẬP 3: Nhóm 2:**

|  |
| --- |
| **Câu 1:****b. Trong phần 3 tác giả nghị luận về biểu hiện nào của đức tính giản dị ở Bác Hồ ? Cách nghị luận có gì khác so với phần (2)? Chỉ ra tác dụng của điều đó?** |
| *Biểu hiện đức tính giản dị ở Bác Hồ.* |  |
| *Điểm khác biệt trong nghệ thuật lập luận* |  |
| *Tác dụng:* |  |
| **c. Trong phần 4, để người đọc hiểu sâu sắc hơn về đức tính giản dị của Bác và sức mạnh của phẩm chất cao quý đó, người viết đã thuyết phục bạn đọc bằng cách nào?****Gợi ý:***Đức tính giản dị của Bác Hồ thể hiện trong lời nói bài viết - Để làm sáng tỏ sự giản dị trong cách nói và viết của Bác, tác giả đã dẫn những câu nói nào của Bác?**Vì sao tác giả lại dẫn những câu nói này?**Khi nói và viết cho quần chúng nhân dân, Bác đã dùng những câu rất giản dị, vì sao?**Vì sao tác giả lại dẫn những câu nói này?* |

**PHIẾU HỌC TẬP 4: Nhóm 3.**

|  |
| --- |
| **Câu 2.**a. Nhận xét về nghệ thuật nghị luận của tác giả (cách nêu lí lẽ, dẫn chứng để làm sáng tỏ luận điểm).b. Nhận xét thái độ tình cảm của tác giả đối với Bác Hồ.c. Qua văn bản tác giả muốn nhắn nhủ gì đến với bạn đọc |
| Nghệ thuật nghị luận |  |
| Thái độ tình cảm của tác giả |  |
| Điều tác giả nhắn nhủ đến bạn đọc |  |

**PHIẾU HỌC TẬP 5: Nhóm 4:**

|  |
| --- |
| **Câu 3.** Kết thúc văn bản, có câu: *“Những chân lí giản dị mà sâu sắc đó lúc thâm nhập vào quả tim và bộ óc của hàng triệu con người đang chờ đợi nó, thì đó là sức mạnh vô địch, đó là chủ nghĩa anh hùng cách mạng*.”. Theo em, tác giả muốn khẳng định điều gì qua câu kết này.………………………………………………..…………………………………………….. |
| **Câu 4**: Qua văn bản, em hiểu như thế nào là đức tính giản dị? Em sẽ làm gì để rèn luyện đức tính ấy?………………………………………………..…………………………………………….. |

|  |  |
| --- | --- |
| **CÁCH THỨC TỔ CHỨC** | **HOẠT ĐỘNG** |
| **Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu vấn đề nghị luận.****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** **- GV yêu cầu HS đọc toàn bộ văn bản**- GV yêu cầu HS trả lời cá nhân câu hỏi.*Vấn đề chính mà của tác giả Phạm Văn Đồng muốn nói đến trong văn bản “Đức tính giản dị của Bác Hồ” là gì? Quan điểm đó thể hiện ở phần nào của văn bản? Người viết đã làm sáng tỏ quan điểm đó từ những phương diện nào trong đời sống và con người của Bác?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- Học sinh suy nghĩ cá nhân câu hỏi**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Học sinh chia sẻ cá nhân câu hỏi**Bước 4: Kết luận, nhận định** **GV kết luận:** Ngay nhan đề văn bản đã thể hiện rõ vấn đề nghị luận *“Đức tính giản dị của Bác Hồ”* và trong văn bản tác giả đã cụ thể hóa vấn đề *“Điều quan trọng cần phải làm nổi bật sự nhất quán giữa cuộc đời hoạt động chính trị lay trời chuyển đất với đời sống bình thường vô cùng giản dị và khiêm tốn của Hồ Chủ tịch”*Để làm rõ ý kiến đó, tác giả đã làm rõ qua đời sống, sinh hoạt của Bác, sự giản dị trong quan hệ với mọi người giữa đời thường cũng như trong quá trình nói viết.**Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu cách nêu vấn đề nghị luận****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** **GV giới thiệu:**Phép lập luận chủ yếu trong bài là chứng minh, để chứng minh vấn đề một cách thuyết phục tác giả đã đưa ra hệ thống luận cứ đầy đủ với lí lẽ chặt chẽ, những dẫn chứng chính xác, cụ thể, toàn diện, làm sáng tỏ vấn đề. Tìm hiểu điều đó là ta tìm hiểu nghệ thuật chứng minh vấn đề của tác giả. - GV chiếu đoạn 1 của văn bản (SGK/40(1) Nêu vai trò của đoạn văn trong văn bản.(2) Tìm câu văn chứa đựng thông tin chính và cho biết vị trí của câu văn đó.(3) Nhận xét cách nêu vấn đề của tác giả và tác dụng.(4) Đoạn văn cho em những nhận thức tình cảm nào về Bác kính yêu?**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- Học sinh đọc và suy nghĩ cá nhân**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Học sinh chia sẻ cá nhân câu hỏi**Bước 4: Kết luận, nhận định** **-** *Nhận xét thái độ* và kết quả làm việc chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của của bản thân và bạn.*- GV kết luận và chuyển ý*: Trong phần đặt vấn đề tác giả nêu ra sự tương phản nhưng thống nhất giữa đời sống chính trị và đời sống bình thường của Bác. Từ đó nhấn mạnh tầm quan trọng của đức tính giản dị, đặt nó trong mối quan hệ giữa cuộc đời hoạt động chính trị và đời sống hàng ngày để chỉ ra sự thống nhất. Đó là một khám phá lớn qua nhiều năm sống gắn bó với Bác của Phạm Văn Đồng gợi cho người đọc ấn tượng về nét đẹp phẩm chất của lãnh tụ Hồ Chí Minh.**Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu hệ thống lí lẽ, dẫn chứng làm rõ đức tính giản dị của Bác Hồ.****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** Giáo viên chiếu Phiếu học tập 2 câu hỏi và yêu cầu HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật công đoạn và khăn trải bàn:***Cách thực hiện****:**+ Chia lớp thành các nhóm học tập, mỗi nhóm 4 học sinh, ngồi tương ứng vị trí bốn ô vuông. Mỗi học sinh sẽ viết ý kiến cá nhân vào cạnh khăn sau đó sẽ thống nhất ý kiến vào phần ô giữa:**+ Nhóm 1. Thực hiện với câu hỏi 1 a (Phiếu học tập 1)**+ Nhóm 2: Thực hiện với câu hỏi 1b,1 c (Phiếu học tập 2)**+ Nhóm 3: Thực hiện câu hỏi 2 (Phiếu học tập 3)**+ Nhóm 4: Thực hiện câu hỏi 3, 4(Phiếu học tập 4)**+ Các nhóm còn lại: Tùy chọn thảo luận một câu hỏi.*Một số kĩ thuật dạy học tích cực ở tiểu học - Top Tài Liệu ...**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS tiếp nhận nhiệm vụ suy nghĩ độc lập rồi chia sẻ với nhóm, các thành viên thống nhất trong nhóm và cử đại diện trình bày trước lớp.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả học tập theo công đoạn, HS báo cáo đến đâu GV cho học sinh bổ sung, GV chiếu định hướng trả lời và góp ý. **Bước 4: Đánh giá, kết luận**- GV cho HS đánh giá phần trả lời của các nhóm- GV phân tích- chiếu từng ý trên máy và phân tích thêm :*+**Bằng sự hiểu biết của mình, tác giả trân trọng và ca ngợi đức tính giản dị của Bác, đó cũng là phẩm chất cao đẹp của Người. Tác giả nói về những điều cao đẹp, vĩ đại bằng những ngôn từ giản dị và dễ hiểu đúng như những điều tác giả học được trong những năm tháng được sống cùng Bác.**+ Khi nói và viết cho quần chúng nhân dân, Bác đã dùng những câu rất giản dị, để mọi người dễ hiểu. Vì muốn cho quần chúng hiểu được, nhớ được, làm được.**Khi lập luận tác giả cũng sử dụng các câu nói giản dị nổi tiếng ấy của Bác là để:*+ Có sức tập hợp, lôi cuốn, cảm hóa lòng người.+ Mỗi lời nói câu viết của Bác đã trở thành chân lí giản dị mà sâu sắc+ Câu nói“Tôi nói… không?” là lời bình luận của tác giả đã đề cao sức mạnh phi thường của lối sống giản dị và sâu sắc của Bác. Đó là sức mạnh khơi dậy, lòng yêu nước.-> Từ đó khẳng định tài năng có thể viết thật giản dị về những điều lớn lao của Bác. Có sức tập hợp, lôi cuốn, cảm hóa lòng người. -> Lời Bác đã khơi dậy lòng yêu nước, ý chí cách mạng trong quần chúng nhân dân*Cách lập luận chặt chẽ:* Đưa ra những lí lẽ và dẫn chứng chứng minh -> Giải thích, bình luận -> khái quát lại vấn đề  | **II. ĐỌC, HIỂU VĂN BẢN****1. Vấn đề nghị luận**- Thể hiện qua nhan đề văn bản “*Đức tính giản dị của Bác Hồ*”- Và cụ thể hơn là vấn đề “*Sự nhất quán giữa đời hoạt động chính trị lay trời chuyển đất với đời sống bình thường giản dị và vô cùng khiêm tốn”*- Người viết đã làm sáng tỏ quan điểm đó từ những phương diện:+ Sự giản dị trong đời sống (ăn, mặc, làm việc và sinh hoạt hàng ngày.+ Giản dị trong quan hệ với mọi người.+ Giản dị trong lời nói, bài viết**2. Triển khai vấn đề nghị luận****a. Phần 1:****Nêu vấn đề nghị luận.** **-** Đoạn mở đầu văn bản trực tiếp nêu vấn đề nghị luận.- Câu chứa đựng thông tin chính là câu 1: *Điều rất quan trọng cần phải làm nổi bật là sự nhất quán giữa đời hoạt động chính trị lay trời chuyển đất với đời sống bình thường vô cùng giản dị và khiêm tốn của Hồ Chủ tịch.*Gợi cho em niềm kính trọng biết ơn Bác.**b. Phần 2:** **\* Nội dung:** Chứng minh đức tính giản dị trong đời sống và trong quan hệ với mọi người của Bác Hồ**\* Nghệ thuật lập luận**: *- Sử dụng lí lẽ và dẫn chứng:* Sau khi nêu lí lẽ, Bác đưa dẫn chứng khẳng định, khái quát ký mình đang chứng minh. **- Lí lẽ:** Con người của Bác, đời sống của Bác giản dị (Giản dị trong tác phong sinh hoạt và giản dị trong sinh hoạt với mọi người)**- Dẫn chứng:** *+ Bữa cơm của Bác: Chỉ vài ba món rất giản đơn, lúc ăn, Bác không để rơi vãi một hột cơm, ăn xong, cái bát bao giời cũng sạch và thức ăn còn lạo thì được sắp xếp tươm tất.**+ Cái nhà nơi Bác ở:* *Cái nhà sàn của Bác vẻn vẹn chỉ có vài ba phòng*+ *Bác suốt đời làm việc, suốt ngày làm việc từ việc rất lớn cứu nước cứu dân đến việc rất nhỏ, trồng cây trong vườn, viết một bức thư cho cho một đồng chí, nói chuyện với các cháu miền Nam, đi thăm nhà tập thể của công nhân từ nơi làm việc đến phòng ngủ, nhà ăn.*+ *Trong đời sống của mình, việc gì Bác tự làm được thì không cần người giúp, cho nên bên cạnh Bác, người giúp việc và phục vụ có thể đếm trên đầu ngón tay, và Bác đã đặt cho số đồng chí đó những cái tên mà gộp lại là ý chí chiến đấu và chiến thắng: Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi.**-* Bình luận ý nghĩa sâu xa về sự giản dị trong bữa ăn của Bác *“Ở việc làm nhỏ đó, chúng ta càng cảm thấy Bác quý trọng viết bao kết quả sản xuất của con người và kính trọng như thế nào người phục vụ.”*- **Nhận xét, đánh giá, bình luận:** + *Với Bác* *bữa cơm vài ba món, ăn không để vãi hạt nào.* *+ Và trong lúc tâm hồn của Bác lộng gió thời đại thì cái nhà nhỏ đó luôn luôn lộng gió và ánh sáng, phảng phất hương thơm của hoa vườn, một đời sống như vậy thanh bạch và tao nhã biết bao!**+ Việc gì tự làm được sẽ không nhờ người khác*.**- Yếu tố tạo nên sức thuyết phục trong đoạn 2:**+ Bằng chứng, lí lẽ cụ thể, rõ ràng, phong phú và sinh động. -> Đã thuyết phục được người đọc về lối sống giản dị của Bác Hồ, làm sáng tỏ được mục đích nghị luận.**Phần 3:** Bằng lí lẽ để khẳng định đời sống vật chất giản dị hòa với đời sống tâm hồn phong phú của Bác: Bác Hồ sống đời sống giản dị, thanh bạch như vậy bởi vì Người sống sôi nổi, đời sống và cuộc đấu tranh gian khổ và ác liệt của quần chúng nhân dân.-> Đời sống vật chất giản dị càng hòa hợp với đời sống tâm hồn phong phú, với những tư tưởng, tình cảm, những giá trị tinh thần cao đẹp nhất. Đó là đời sống thực sự văn minh mà Bác Hồ nêu gương sáng trong thế giới ngày nay*.****Phần 4: Nhấn mạnh thêm sự nhất quán trong đức tính giản dị của Bác qua sự kết hợp lí lẽ và dẫn chứng:******- Lí lẽ:*** Giản dị trong đời sống trong quan hệ với mọi người, trong tác phong. Hồ Chủ tịch cũng giản dị trong lời nói và bài viết, vì muốn cho quần chúng nhân dân hiểu được, nhớ được, làm được.*->Khẳng định sự giản dị trong cách nói, viết của Bác.****- Dẫn chứng*** cụ thể, những câu nói nổi tiếng của Bác để làm cơ sở cho lí lẽ đã nêu: Suy cho cùng, chân lí, những chân lí lớn của nhân dân ta cũng như của thời đại là giản dị: “*Không có gì quý hơn, độc lập, tự do!”,* “*Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn song chân lí ấy không bao giờ thay đổi*”*-> Qua đó muốn khẳng định khẳng định lời nói bài viết của Bác, thường ngắn gọn, dễ hiểu.****- Đánh giá, bàn luận:*** Những chân lí giản dị mà sâu sắc đó lúc thâm nhập vào quả tim bộ óc của hàng triệu con người đang chờ đợi nó, thì đó là sức mạnh vô địch, đó là chủ nghĩa anh hùng cách mạng.->*Lời bình luận này của tác giả đã đề cao sức mạnh phi thường của những chân lí mà Bác nêu ra dưới hình thức những câu nói tự nhiên, mộc mạc, giản dị và sâu sắc. Lời Bác đã khơi dậy lòng yêu nước, ý chí cách mạng trong quần chúng nhân dân.* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài và biểu đạt bằng sơ đồ tư duy- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS trả lời câu hỏi;- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá, kết luận**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  Ghi lên bảng | **III. Tổng kết****1. Nghệ thuật**:+ Luận cứ toàn diện+ Dẫn chứng phong phú, cụ thể, xác thực+ Có dẫn chứng cụ thể, lí lẽ bình luận sâu sắc, có sức thuyết phục.+Lập luận theo trình tự hợp lí.**2. Nội dung:**+ Chứng minh đức tính giản dị của Bác Hồ, hòa hợp với đời sống tinh thần phong phú, tư tưởng tình cảm cao đẹp. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Củng cố nhận thức của học sinh về Bác Hồ kính yêu.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS chia sẻ hiểu biết thơ ca nói về sự giản dị của Bác trong phong cách sinh hoạt

**c. Sản phẩm**

**d. Tổ chức thực hiện:**

**THỰC HIỆN THEO HÌNH THỨC TRÒ CHƠI “THỬ TÀI HIỂU BIẾT”**

**Nhiệm vụ:** **Đọc những câu thơ (văn) câu hát mà em biết minh chứng cho những từ khóa liên quan đến Bác Hồ và đức tính giản dị của Người.**

**Luật chơi:**

+ Giáo viên chuẩn bị câu hỏi, mỗi mảnh ghép là một từ khóa về đức tính giản dị của Bác Hồ.

+ GV lập hai đội chơi, mỗi đội 5 học sinh, một học sinh quản trò điều hành việc lựa chọn mảnh ghép, đọc từ khóa khi mảnh ghép lật ra và phần trả lời của các đội chơi**.**

**+** Người quản trò điều hành các đội lựa chọn mảnh ghép (đội 1 câu lẻ, đội 2 câu chẵn) và đọc thơ ca tường minh cho nội dung của từ khóa về đức tính giản dị của Bác. Đội được gọi trả lời nếu trả lời đúng thì được 10 điểm không có câu trả lời hoặc câu trả lời không thuyết phục thì quyền trả lời sẽ thuộc đội còn lại. Trường hợp đội trả lời trước trả lời đúng nhưng đội sau vẫn có phương án trả lời khác thì tiếp tục đưa ra tín hiệu để trả lời và được thưởng điểm. Cả hai đội không có phương án trả lời thì nhờ trợ giúp của các bạn bên dưới.

+ Đội chiến thắng là đội được nhiều điểm hơn.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **Mảnh ghép** | **Từ khóa** |  **Dự kiến sản phẩm** |
| **Mảnh ghép 1** | **Ngoại hình** | *Bác chúng em dáng cao cao, người thanh thanh**Bác chúng em mắt như sao râu hơi dài**Bác chúng em nước da nâu vì sương gió.* *(“Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng”-* Phong Nhã*)* |
| **Mảnh ghép 2** | **Bữa ăn** |  *Sáng ra bờ suối, tối vào hang* *Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng* (Nguyễn Ái Quốc) |
| **Mảnh ghép 3** | **Nơi ở** |  *Anh dắt em vào cõi Bác xưa* *Đường Xoài, hoa trắng nắng đung đưa* *Có hồ nước lặng sôi tăm cá* *Có bưởi cam thơm, mát bóng dừa* (Tố Hữu) *Nhà Bác đơn sơ, một góc vườn* *Gỗ thường, mộc mạc chẳng mùi sơn* *Giường mây, chiếu cói đơn chăn gối* *Tủ nhỏ vừa treo mấy áo sờn.* (Tố Hữu) |
| **Mảnh ghép 4** | **Nơi làm việc** |  *Sáng ra bờ suối, tối vào hang* *Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng.* *(Nguyễn Ái Quốc)* |
| **Mảnh ghép 5** | **Đôi dép** |  *Đôi dép cao su đôi dép Bác Hồ, Bác đi từ thuở chiến khu Bác về. Phố phường, trận địa, nhà máy đồng quê, đều in dấu dép Bác về Bác ơi.* (“*Đôi dép Bác Hồ*”- Thuận Yến) |
| **Mảnh ghép 6** | **Câu nói nổi tiếng** | *“Tôi nói đồng bào nghe rõ không?”**“Không có gì quý hơn độc lập tự do”**“Có tài mà không có đức là người vô dụng. Có đức mà không có tài làm việc gì cũng khó”.* (Hồ Chí Minh) |
| **Mảnh ghép 7** | **Trang phục áo quần** |  *“Bác Hồ đó chiếc áo nâu giản dị* *Màu quê hương bền bỉ đậm đà”* (Tố Hữu) |
| **Mảnh ghép 8** | **Tư thế, tác phong** |  *Bác Hồ đó làm lòng ta yên tĩnh**Ôi người cha đôi mắt mẹ hiền sao**Giọng của người không phải sấm trên cao**Thấm từng tiếng vào lòng bao mơ ước* (Tố Hữu) |
| **Mảnh ghép 9** | **Tình cảm của Bác Hồ**  | a.*Bác thương các cụ già xuân về đem biêú lụa**Bác thương đàn cháu nhỏ trung thu về cho quà*(*“Bác Hồ một tình yêu bao la” Thuận Yến*)b.  *Bác sống như trời đất của ta* *Yêu từng ngọn lúa mỗi nhành hoa* *Tự do cho mỗi đời nô lệ* *Sữa để em thơ, lụa tặng già* (Tố Hữu)c.  *Ôi lòng Bác vậy cứ thương ta* *Thương cuộc đời chung, thương cỏ hoa* *Tự do cho mỗi đời nô lệ* *Sữa để em thơ, luạ tặng già*. (Tố Hữu) |
| **Mảnh ghép 10** | **Bác Hồ trong lòng dân tộc** |  *Người là cha, là Bác, là anh* *Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ.* *(Tố Hữu)*  |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: Giúp học sinh biết vận dụng kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận để đọc hiểu văn bản mới tương đương.

**b. Nội dung**: Học sinh làm bài tập theo cá nhân.

**c. Sản phẩm**: Bài tập đã hoàn thiện

**d.Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
|

|  |
| --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Trò chơi “Ai hiểu biết”****Bài 1***:* Bản thân em học được điều gì qua đức tính giản dị của Bác Hồ?**Yêu cầu**: HS thực hiện theo hình thức trò chơi “**Ai hiểu biết**”+ Cách thực hiện: Trong 3 phút, ai liệt kê được nhiều nhất những bài học rút ra từ đức tính giản dị của Bác Hồ sẽ là người chiến thắng.**Bài 2**: Em học tập được gì từ cách nghị luận của tác giả trong văn bản này?+ Yêu cầu HS suy nghĩ trả lời cá nhân |

**Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**- Học sinh lần lượt thực hiện các bài tập- Giáo viên: Giáo viên quan sát, động viên học sinh**Bước 3: Báo cáo kết quả:**- Học sinh trình bày và đánh giá lẫn nhau**Dự kiến sản phẩm:**- Tạo văn bản nghị luận cần kết hợp chứng minh, giải thích, bình luận- Cách chọn dẫn chứng tiêu biểu- Người viết có thể bày tỏ cảm xúc**Bước 4. Đánh giá kết quả**- Học sinh nhận xét- Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức | **BÀI 1:** Điều học tập từ đức tính giản dị của Bác Hồ- Ăn mặc giản dị phù hợp hoàn cảnh gđ- Luôn gần gũi, cởi mở, chân thành với mọi người.- Học tập, rèn luyện, noi theo tấm gương Bác Hồ.**Bài 2.**+ Có dẫn chứng cụ thể, lí lẽ bình luận sâu sắc, có sức thuyết phục.+ Lập luận theo trình tự hợp lí. |

 **\* Giao bài, hướng đẫn học bài, làm bài và chuẩn bị bài tiếp theo**

**Hướng dẫn học:
-** Nắm vững hệ thống ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng của người viết

- Làm bài tập: Đọc văn bản nghị luận sau và tìm ra hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sử dụng trong văn bản.

 **Hướng dẫn chuẩn bị bài:** Thực hành Tiếng Việt

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn** | **Dạy** | **Ngày** | ***23/ 3 /2023*** | ***23/ 3 /2023*** | ***20 / 3 /2023*** |
|  ***17/ 3 /2023*** | **Tiết (TKB)** | ***1*** | ***4*** | ***4*** |
| **Lớp** | ***7C2*** | ***7C3*** | ***7C4*** |

|  |
| --- |
| **Tiết 103****THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức.**

+ Tri thức được kiến thức về tính mạch lạc, liên kết trong văn bản.

+ Biết và hiểu được tác dụng của tính mạch lạc và liên kết khi tạo lập văn bản.

- Xác định được vị ngữ

- Nhận biết các cụm động từ có phần bổ ngữ là cụm chủ vị

- Rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu có cụm động từ mở rộng vị ngữ

**2. Về năng lực**

**\* Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**\* Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**3. Phẩm chất:**

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

 **1.Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/ Tivi, bảng phụ, giấy A0, bút lông, bút màu…

 **2. Học liệu:** SGK, Phiếu học tập, Ngữ liệu bài học…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Khơi gợi tri thức nền, tạo hứng thú học tập để học sinh sẵn sàng tâm thế bước vào giờ học.

**b. Nộị dung:** HS trả lời theo nhóm

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **CÁCH THỨC TỔ CHỨC** | **HOẠT ĐỘNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**GV chia lớp thành 2 nhóm tham gia trò chơi: ***Ai nhanh hơn?***Em hãy phát hiện một số lỗi trong đoạn văn sau:“ (1)Tôi nhớ đến mẹ tôi “lúc người còn sống tôi lên mười”. (2) Mẹ tôi âu yếm dắt tay tôi đi trên con đường dài và hẹp. (3) Sáng nay, lúc cô giáo đến thăm, tôi nói với mẹ có nhỡ thốt ra một lời thiếu lễ độ. (4) Chiều nay, mẹ hiền từ của tôi cho tôi đi dạo chơi với anh con trai lớn của bác gác cổng.” “Năm nay tôi bị ở lại lớp.(1) Mẹ đã khóc.(2)”Nhóm nào phát hiện đúng nhiều lỗi nhất sẽ chiến thắng.**Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**- Học sinh thảo luận, cử đại diện trình bày trên bảng phụ- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần**Bước 3:Báo cáo, thảo luận**+ HS trình bày sản phẩm thảo luận+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung phần trình bày của nhóm bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá- Giáo viên nhận xét, đánh giá**GV** nhận xét và giới thiệu bài học:*Đó là các lỗi thuộc về tính liên kết và mạch lạc trong văn bản. Trong bài ngày hôm nay, cô sẽ giúp các em tìm hiểu sâu hơn về nội dung kiến thức đó và cụm động từ.* | - HS tìm ra một số lỗi về tính liên kết và mạch lạc trong đoạn văn.  |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**

**a. Mục tiêu:**

- Trình bày được thế nào là *liên kết và mạch lạc trong văn bản*.

*-* Sử dụng *liên kết và mạch lạc trong văn bản* khi nói và viết

**b. Nội dung**: Giáo viên cho HS tìm hiểu tri thức ngữ văn

 Học sinh thực hành làm bài tập SGK

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **CÁCH THỨC TỔ CHỨC** | **HOẠT ĐỘNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**GV yêu cầu HS trả lời cá nhân câu hỏi:(1)Thế nào là liên kết trong văn bản? Cho ví dụ.(2) Mạch lạc là gì? Một văn bản có tính mạch lạc khi nào?(3) Em hãy tìm điểm giống và khác nhau giữa liên kết và mạch lạc.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện cá nhân yêu cầu của câu hỏi**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS trả lời và bổ sung cho nhau**Bước 4: Đánh giá, kết luận**- GV đánh giá phần trả lời của HS.- Phân tích lưu ý cho HS thêm về mạch lạc và liên kết câu. | **I. Kiến thức Ngữ văn****1. Liên kết** là sự thể hiện mối quan hệ về nội dung giữa các câu, các đoạn, các phần của văn bản bằng phương tiện ngôn ngữ thích hợp2- **Mạch lạc** là sự thống nhất về chủ đề và tính lô gich của văn bản. Một văn bản được coi là có tính mạch lạc khi các phần, các đoạn, các câu của văn bản đều nói về một chủ đề và được sắp sếp theo một trình tự hợp lí. |
| **Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn thực hành về tính mạch lạc của văn bản qua bài tập 1/42 SGK****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** **GV chiếu trên máy yêu cầu của bài tập 1/42 SGK** **GV yêu cầu HS thực hiện vụ học tập làm bài tập theo nhóm kết hợp kĩ thuật khăn trải bàn:** GV chia lớp thành các nhóm - mỗi nhóm 4- 6 học sinh cùng thực hiện yêu cầu của bài tập dựa trên cơ sở các gợi ý:**Gợi ý:***+ Nêu chủ đề chung văn bản**+ Chứng minh các câu văn đều hướng đến chủ đề chung của văn bản**+ Chứng minh các phần các đoạn được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS nghe hướng dẫn, làm việc cá nhân, nhóm suy nghĩ, trả lời câu hỏi theo hướng dẫn của giáo viên+ Bước 1: Suy nghĩ độc lập: (3’)- cá nhân học sinh tự viết câu trả lời ra phần mép khăn+ Bước 2: Chia sẻ với nhóm: (3’)- các nhóm thảo luận ghi ý kiến chung vào giữa khăn+ Bước 3: Thống nhất trong nhóm và cử đại diện trình bày trước lớp.- Giáo viên quan sát, hỗ trợ học sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.**Bước 3: Báo cáo, thảo**- Yêu cầu HS lên trình bày.- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).**HS**:- Trình bày kết quả làm việc nhóm- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).**Bước 4: Đánh giá, kết luận**- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.- GV chiếu trên máy yêu cầu trả lời phiếu học tập 1- HS tự bổ sung chuẩn xác. GV phân tích cho học sinh hiểu rõ hơn về tính mạch lạc của văn bản.phân tích cho học sinh rõ:**Nhiệm vụ 2: Phân tích tính liên kết của văn bản**  **BÀI 2. (SGK/ tr 42, 43****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**GV ***chiếu nội dung đoạn văn bản*** và yêu cầu học sinh thực hiện chia sẻ cặp nhóm đôi theo yêu cầu bài tập 2/ SGK trang 42,43.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ****-** Học sinh đọc ngữ liệu SGK/ 40+ 41 và thực hiện thảo luận nhóm theo cặp đôi yêu cầu của bài tập.- GV quan sát, góp ý, hỗ trợ học sinh trong quá trình thực hiện.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Đại diện cặp đôi trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập theo kĩ thuật công đoạn.+ Cặp đôi 1: trình bày nội dung phần a+ Cặp đôi 2: Trình bày nội dung phần b+ Các nhóm khác bổ sung- HSkhác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**GV chiếu đáp ánGV đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của HS**Bài 3: Tìm cụm chủ vị là cụm động từ (SGK/ tr 43)****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**Tìm vị ngữ là cụm động từ trong những câu dưới đây. Xác định động từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi cụm động từ đó.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe yêu cầu -> thực hiện yêu cầu- HS thảo luận theo nhóm đôi.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**+ HS trình bày kết quả của nhóm+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **II. Luyện tập****Bài 1:** Tìm hiểu tính mạch lạc của văn bản “*Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*”.**Chủ đề văn bản:** Truyền thống yêu nước của nhân dân ta.- Các phần, các đoạn, các câu của văn bản đều nói về chủ đề “*Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*”**Phần 1:** Nêu chủ đề bàn luận: dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước:+ Khẳng định: tinh thần yêu nước là một truyền thống quý báu của nhân dân ta, nó có sức mạnh lớn lao trong kháng chiến chống + Chỉ ra khái quát truyền thống đó được thể hiện qua suốt chiều dài lịch sử mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng.**Phần 2: (Đoạn 2,3):** Chứng minh cụ thể tinh thần yêu nước của nhân dân ta thể hiện qua các giai đoạn lịch sử.**+ Đoạn 2:** Chứng minh tinh thần yêu nước trong quá khứ với với bằng chứng hùng hồn là các cuộc kháng chiến vĩ đại gắn với tên tuổi của những vị anh hùng dân tộc như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung….**+ Đoạn 3**: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta được đề cập và chứng minh qua lịch sưt hiện đại với bằng chứng là sự hết lòng tham gia ủng hộ kháng chiến của đông đảo các tầng lớp đồng bào ở trong và người nước bằng những hoạt động, những củ chỉ tuy khác nhau nơi việc làm nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước.**+ Đoạn 4 (Phần cuối):** Vẫn nói về tinh thần yêu nước của nhân dân ta:+ ***Tác giả khẳng định về hai mặt bộc lộ của lòng yêu nước*** *(đây là* *các thứ của quý* nhưng chưa được bộc lộ, chưa được khai thác hết “*Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng, dễ thất. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm”)****+ Kêu gọi mọi người hành động, phát huy tinh thần ấy*-** bổn phận của mỗi người chúng ta là phải làm cho chúng được bộc lộ và *thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến*.***Các phần, các đoạn, các câu văn được sắp xếp theo một trình tự hợp lí*****+ Đoạn 1**: Nêu khái quát truyền thống yêu nước của nhân dân ta**+ Phần 2 (Đoạn 2, 3):** Làm rõ ý khái quát đã nêu ở đoạn 1 bằng cách chứng minh tinh thần yêu nước của nhân dân ta thể hiện qua các giai đoạn lịch sử (từ xưa đến nay)**+ Phần cuối**: Khẳng định giá trị quý báu của truyền thống yêu nước và xác định trách nhiệm của Đảng trong biệt phát huy lòng yêu nước ở mỗi người công dân với tổ quốc.**BÀI 2. (SGK/ tr 42, 43)** Phân tích tính liên kết của văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* (Hồ Chí Minh)*a) Các biện pháp liên kết và những từ ngữ được dùng làm phương tiện liên kết các câu trong đoạn văn thứ nhất và đoạn văn thứ hai của văn bản là:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Cách liên kết** | **Phương tiện liên kết** |
| Phép lặp từ ngữ | *tinh thần yêu nước; chúng ta; ta; lòng nồng nàn yêu nước*. |
| Phép thế | *lòng nồng nàn yêu nước - đó; yêu nước - ấy, nó* |
| Phép nối | các từ ngữ nối như từ…đến; tuy…nhưng; những;  |

**b. Những câu có tác dụng liên kết đoạn văn chứa chúng với đoạn văn đứng trước trong văn bản:**- *Lịch sử ta có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta.**- Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước.**- Tinh thần yêu nước cũng giống như các thứ của quý.***Bài 3/43: Tìm cụm chủ vị là cụm động từ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần trước** | **Thành phần trung tâm** | **Thành phần sau** |
| càng | ***thấy*** | ***Bác quý … vụ.*** |
| Chớ | ***hiểu lầm***  | ***Bác sống … ẩn dật*** |

 |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn có tính mạch lạc và biện pháp liên kết

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS theo yêu cầu SGK.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** |  **Dự kiến sản phẩm** |
| **Vận dụng vào viết ngắn ở bài tập 4:****Hình thức: Làm việc cá nhân****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** Theo dõi SGK trang 43, hoàn thành nhanh bài tập 4:**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**- Học sinh:suy nghĩ , viết đoạn văn- Giáo viên: quan sát, khuyến khích, hỗ trợ nếu cần.GV có thể gợi ý HS cụ thể: + *Chon các văn bản nghị luận như : “tinh thần yêu nước của nhân dân ta”, “Đức tính giản dị của Bác Hồ:......**+ Đoạn văn diễn dịch hoặc quy nạp**+ Câu chủ đề của đoạn văn**+ Đoạn văn: nêu cảm nghĩ**+ Số dòng :8 – 10 dòng* **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** GV gọi 1 số HS đọc đoạn văn. Các HS khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4. Đánh giá kết quả** Giáo viên nhận xét, đánh giá và cho điểm HS.- GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS:+ Kết quả làm việc của học sinh.+Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc.GV:Sửa chữa, đánh giá và chốt kiến thức | **Bài tập 4:** Đoạn văn của HS cần đảm bảo các yêu cầu: - Dung lượng đoạn văn từ 8 – 10 dòng; đảm bảo hình thức đoạn văn.- Nội dung của đoạn văn: nêu cảm nghĩ của em về một văn bản nghị luận đã học- Đoạn văn : có tính mạch lạc và phép liên kết,yêu cầu chỉ rõ  |

**ĐOẠN 1**: **Đoạn văn cảm nghĩ về văn bản “Đức tính giản dị của Bác Hồ”**

 “*Đức tính giản dị của Bác Hồ”* là một văn bản nghị luận đặc sắc đã cho ta hiểu và ngưỡng mộ đức tính giản dị của Hồ Chí Minh- vị cha già muôn vàn kính yêu của dân tộc. Từ sự hiểu biết, tình cảm kính yêu chân thành của người cộng sự gần gũi với Bác Hồ, tác giả Phạm Văn Đồng đã cho thấy Người luôn là một hình mẫu về sự giản dị, khiêm tốn. Đọc văn bản ta thấy với lập luận chặt chẽ, hệ thống lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục cùng lối viết chân thành tác giả đã thuyết phục được người đọc, người nghe về biểu hiện đa dạng đức tính giản dị của Bác thể hiện trong mọi mặt của đời sống, sinh hoạt thường ngày. Từ bữa cơm chỉ có vài ba món đơn giản, nơi ở của vị Chủ tịch chỉ là nhà sàn đơn sơ mộc mạc với vài phòng để họp, tiếp khách, nghỉ ngơi. Đâu chỉ thế sự giản dị của Người còn thể hiện trong lời nói “*Không có gì quý hơn độc lập tự do!”, “Tôi nói đồng bào nghe rõ không?”,* trong bài viết của Người *“Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn song chân lí ấy không hề thay đổi*”. Sau những dẫn chứng, trước khi kết thúc luận cứ tác giả còn đưa ra những lời bình luận xác đáng về đức tính giản dị của Bác Hồ cho ta hiểu rằng sự giản dị của Bác không phải là lối sống khắc khổ của những nhà nho xưa mà là biểu hiện sự phong phú trong đời sống vật chất, tinh thần, tâm hồn tình cảm của Bác như Tố Hữu từng khẳng định “*Mong manh áo vải hồn muôn trượng/Hơn tượng đồng soi những lối mòn*”. Người là một tấm gương sáng cho mọi thế hệ học tập và noi theo. Là học sinh em sẽ cố gắng rèn luyện theo những phẩm chất quý báu ấy để sau này trở thành con người có ích trong gia đình và xã hội.

**ĐOẠN 2:** Cảm nghĩ về văn bản *“Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*”

 “*Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*” là đoạn trích trong văn kiện Báo cáo chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày tại Đại hội lần thứ II của Đảng Lao động Việt Nam họp tại Việt Bắc tháng 2 năm 1951, trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp là một đoạn văn nghị luận chứng minh tiêu biểu cho bạn đọc thấu hiểu truyền thống yêu nước cao đẹp của dân tộc. Bằng lập luận chặt chẽ, đanh thép, lối viết với lí lẽ sắc bén, dẫn chứng cụ thể sau khi nêu vấn đề tác giả đã tập trung nhấn mạnh và biểu dương những biểu hiện của tinh thần yêu nước trong công cuộc chống ngoại xâm của dân tộc. Để rồi từ những dẫn chứng cụ thể về tinh thần yêu nước trong quá khứ đến hiện tại, những hình ảnh so sánh gợi cảm, lối liệt kê theo mô hình “*từ... đến*” Bác đã chứng minh một cách thuyết phục tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Cho chúng ta hiểu rằng truyền thống yêu nước quý báu của người Việt Nam có khi là tiềm tàng tiềm ẩn nhưng có khi bộc lộ mạnh mẽ. Mọi người Việt Nam không phân biệt tuổi tác, giới tính, ngành nghề vùng miền đều hết lòng phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc. Và trong hoàn cảnh cuộc kháng chiến đang diễn ra ác liệt việc phát huy truyền thống yêu nước ấy là vô cùng cần thiết. Tìm hiểu văn bản em càng thêm kính yêu lãnh tụ Hồ Chí Minh- vị cha già của dân tộc Việt Nam và nhận thấy trách nhiệm của thế hệ mình trong việc phát huy và giữ gìn truyền thống yêu nước của ông cha.

**\*Rubric**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Hình thức đoạn văn |  |  |
| Xác định chủ đề đoạn văn |  |  |
| Nội dung các câu văn tập trung chủ đề của đoạn |  |  |
| Cảm nghĩ sâu sắc |  |  |
| Có liên hệ mở rộng khi viết cảm nghĩ |  |  |
| Sử dụng các phép liên kết |  |  |
| Chữ viết đúng chính tả |  |  |
| Lập luận chặt chẽ |  |  |
| Sáng tạo trong cách dùng từ, diễn đạt. |  |  |

**\*Giao bài,hướng dẫn học bài,làm bài và chuẩn bị bài tiếp theo**

+ **Hướng dẫn tự học**

- Học và nắm chắc ND bài học.

HS hoàn thiện các bài tập phần Thực hành Tiếng Việt.

**\* Hướng dẫn chuẩn bị bài:**

- Tìm hiểu về các tượng đài được xây dựng trên đất nước Việt Nam, ý nghĩa các tượng đài.

- Vận dụng kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận tìm hiểu: Thực hành đọc hiểu “*Tượng đài vĩ đại nhấ*t” – Uông Ngọc Dậu

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn** | **Dạy** | **Ngày** | ***23/ 3 /2023******24/ 3 /2023*** | ***23/ 3 /2023******29/ 3 /2023*** | ***20/3/2023******22/ 3 /2023*** |
|  ***17 / 3 /2023*** | **Tiết (TKB)** | ***2/3*** | ***5/4*** | ***5/1*** |
| **Lớp** | ***7C2*** | ***7C3*** | ***7C4*** |

|  |
| --- |
| **TIẾT 104,105****THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU****TƯỢNG ĐÀI VĨ ĐẠI NHẤT****(Uông Ngọc Dậu)** |

**I.MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Vận dụng kiến thức kĩ năng để nhận biết được đặc điểm của văn bản “*Tượng đài vĩ đại nhất*” của Uông Ngọc Dậu:

+ Hiểu mục đích và nội dung chính của văn bản

- Vận dụng được kiến thức về liên kết, mạch lạc của văn bản vào đọc hiểu văn bản hiệu quả.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.

**2. Năng lực:**

***a. Năng lực chung:*** Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

***b. Năng lực chuyên biệt:*** năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học

**3. Phẩm chất:**

**- Yêu nước**: Tự hào về truyền thống yêu nước.

**- Trách nhiệm**: Biết ơn thế hệ cha anh đi trước đã hi sinh vì tổ quốc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị**

- Vi deo giới thiệu về tượng đài

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**2. Học liệu**

- Sách giáo khoa, tư liệu thơ ca tham khảo.

- Phiếu học tập.

 **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung**: Học sinh bộc lộ hiểu biết về các công trình tượng đài được xây dựng

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời thể hiện hiểu biết của học sinh

**d.Tổ chức thực hiện:** Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả hiểu biết qua việc tham gia trò chơi. **Lật mảnh ghép**

 **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**

- Giáo viên nêu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời cá nhân.

- Kể tên một số công trình tượng đài nổi tiếng của Việt Nam mà em biết? Vì sao các công trình tượng đài đó được xây dựng. Việc xây dựng các công trình tượng đài đó có ý nghĩa gì?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh suy nghĩ cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**-** Học sinh trả lời câu hỏi của giáo viên.

- GV quan sát hỗ trợ

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

**-** Nhận xét câu trả lời của học sinh

- Kết luận và cho HS quan sát hình ảnh một số tượng đài:

Các công trình tượng đài được xây dựng thể hiện lòng biết ơn tri ân với những người có công với quê hương đất nước

+ Tượng đài Thánh Gióng

+ Tượng đài Hai Bà Trưng

+ Tượng đài Lí Công Uẩn

+ Tượng đài Trần Hưng Đạo

+ Tượng đài Bác Hồ

+ Tượng đài Võ Thị Sáu...

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.**

**a. Mục tiêu**:

- Nắm được những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm: phương thức biểu đạt, cách đọc, bố cục văn bản.

- HS nắm được đặc sắc nội dung và nghệ thuật của từng phần trong văn bản

**b. Nội dung.**

**-** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày thể loại, phương thức biểu đạt, cách đọc, bố cục văn bản.

-Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- HS trả lời, hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS về thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục và nội dung, nghệ thuật của văn bản.

**d. Tổ chức hoạt động**

- Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật: Động não.

|  |  |
| --- | --- |
| **CÁCH THỨC TỔ CHỨC** | **HOẠT ĐỘNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**- Hướng dẫn cách đọc và yêu cầu HS đọc:- GV hướng dẫn cách đọc**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:**-HS luyện đọc.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.****-**HS đọc văn bản- HS nhận xét.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét , đánh giá, sửa lỗi sai cho HS.- GV chuyển mục tiếp: tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm. | **I.ĐỌC-TÌM HIỂU CHUNG****1.Đọc** |
| GV Chiếu phiếu học tập 1, yêu cầu học sinh chia sẻ cặp đôi thông tin **PHIẾU 1**:**Nhiệm vụ:** Tìm hiểu thông tin chung về tác giả, tác phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung**  | **Trả lời** |
| 1.Thông tin về tác giả Uông Ngọc Dậu. |  |
| **2. Thông tin về văn bản** |
| Giới thiệu hoàn cảnh ra đời văn bản |  |
| Thể loại, phương thức biểu đạt  |  |
| Văn bản viết về vấn đề gì? Nêu mục đích tác giả viết văn bản“Tượng đài vĩ đại nhất” |  |
| Nhan đề văn bản thể hiện điều gì |  |
| Nêu bố cục văn bản và nội dung theo bố cục. |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- Học sinh suy nghĩ cách thức chia sẻ cặp đôi**Bước 3: Báo cáo thảo luận**- Học sinh trình bày sản phẩm.- Giáo viên gọi học sinh khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**- Giáo viên nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức **Vì sao có thể nói vấn đề nghị luận mà tác giả đặt ra trong văn bản rất đáng được quan tâm**.+ Văn bản “*Tượng đài vĩ đại nhất*” viết nhân ngày thương binh liệt sĩ 27-7, nêu lên ý nghĩa của những tấm gươn hi sinh dũng cảm vì Tổ quốc, nhằm giáo dục lòng biết ơn đối với những người đã có công với Tổ quốc, thực hiện đạo lí biết ơn.+ Đây là vấn đề rất đáng quan tâm vì đất nước ta đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh, rất nhiều người đã hi sinh vì tổ quốc; cần giáo dục cho thế hệ trẻ biết sống đúng đắn để xứng đáng với những người đã khuất, biết ơn các thế hệ cha anh đã chiến đấu hi sinh vì nền hòa bình độc lập của dân tộc. | **2. Tìm hiểu chung.****a. Tác giả**- Nhà báo Uông Ngọc Dậu (1957), quê ở Thanh Hóa- Tác giả Uông Ngọc Dậu vốn là một nhà giáo, rồi cuộc đời đã chọn ông trở thành một nhà báo. Nhiều năm làm trưởng đại diện cơ quan Đài tiếng nói Việt Nam tại Tây Nguyên.**b. Tác phẩm.****\* Từ khó****\* Hoàn cảnh ra đời**“*Tượng đài vĩ đại nhất*” được viết vào ngày 27-7-2012 (kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ) nhằm tưởng nhớ tới công ơn của những anh hùng, liệt sĩ đã hi sinh để bảo vệ Tổ quốc.**- Thể loại:** Văn bản nghị luận**- Phương thức biểu đạt chính:**nghị luận**- Nội dung mục đích nghị luận:** Nêu lên ý nghĩa những tấm gương hi sinh dũng cảm vì Tổ quốc, nhằm giáo dục lòng biết ơn đối với những người đã có công với Tổ quốc, thực hiện đạo lí “Uống nước nhớ nguồn”.**- Bố cục (3 phần)**+ Phần 1 (từ đầu đến “*truyền từ đời này sang đời khác*”): Giới thiệu vấn đề- giới thiệu trên khắp đất nước ta nơi đâu cũng có những câu chuyện về những con người hi sinh vì đất nước **+ Phần 2** (tiếp theo đến “*bình minh*”): Giải quyết vấn đề - dẫn chứng về sự hi sinh đó (địa danh, con người).**+ Phần 3** (còn lại): Kết thúc vấn đề - Tình cảm của tác giả với tượng đài vĩ đại nhất. |
| **Nhiệm vụ 1: Thực hành tìm hiểu ý nghĩa nhan đề và sự ra đời văn bản****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**GV yêu cầu HS báo cáo kết quả tìm hiểu ý nghĩa nhan đề và ý nghĩa sự ra đời của văn bản:**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện cá nhân và trả lời câu hỏi**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Học sinh trả lời và bổ sung cho nhau**Bước 4: Đánh giá, kết luận**- HS đánh giá câu trả lời của bạn- Giáo viên đánh giá, kết luận:**Nhiệm vụ 2: Thực hành tìm hiểu trình tự triển khai vấn đề nghị luận****Nhiệm vụ 2.1. Tìm hiểu phần 1 khái quát chung vấn đề.****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.****GV chiếu đoạn văn bản:***Mỗi làng quê Việt Nam…truyền từ đời này sang đời khác...*Yêu cầu HS báo cáo kết quả đọc hiểu trên cơ sở trả lời cá nhân các câu hỏi(1) Ý khái quát của đoạn văn là gì?(2) Vấn đề được đưa ra có đáng quan tâm hay không?**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- Học sinh tiếp nhận thực hiện cá nhân nhiệm vụ.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Học sinh trình bày sản phẩm thảo luận;- Giáo viên gọi học sinh khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá, kết luận**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức **Nhiệm vụ 2.2:** **Báo cáo cặp đôi kết quả thực hành đọc hiểu phần 2 – giải quyết vấn đề theo nội dung câu hỏi 2, SGK/45 theo kĩ thuật công đoạn:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**Yêu cầu HS theo dõi SGK phần 2,3/44,45 và thảo luận thống nhất cặp đôi kết quả thực hành đọc hiểu theo yêu cầu câu hỏi:*Chỉ ra hệ thống lí lẽ và bằng chứng cụ thể được tác giả nêu trong phần 2 văn bản để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận*. *Nhận xét hệ thống lí lẽ,dẫn chứng mà tác giả sử dụng*.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- Học sinh tiếp nhận thực hiện báo cáo cặp đôi**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Học sinh trình bày kết quả theo hình thức cặp đôi:+ Cặp đôi 1: Kết quả đọc hiểu phần 2+ Cặp đôi 2: Kết quả đọc hiểu phần 3- Giáo viên gọi học sinh khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá, kết luận**-HS tự đánh giá và đánh giá nhóm bạn kết quả đọc hiểu**- GV góp ý, kết luận: Chiếu trên máy và phân tích cho HS hiểu nội dung các đoạn.** **Đoạn 2: *Hi sinh không chỉ vì nghĩa lớn mà người Việt Nam còn chịu biết bao đau thương mất mát do chiến tranh gây ra sự hi sinh đó là vô bờ bến.*** Tác giả đã kể ra hậu quả của chiến tranh để lại “…*đã có hàng triệu người con hi sinh, hàng triệu người mang thương tật … hàng triệu thân phận, hàng triệu hoàn cảnh, hàng triệu tâm tư*”→ Tác giả đã sử dụng biện pháp liệt kê, lặp để có thể thể hiện những hi sinh vô bờ bến của người dân Việt Nam trên con đường bảo vệ nền độc lập dân tộc. Mất mát và thương đau nhưng người Việt Nam anh dũng đương đầu với kẻ thù xâm lược hướng tới ước mơ độc lập tự do, dân chủ hòa bình***Đoạn 3. Cách hi sinh của con người Việt Nam rất đáng tự hào*** + Biết bao nhà yêu nước cách mạng ra pháp trường, biết đầu rơi, máu chảy vẫn lạc quan tin vào ngày mai chiến thắng. + Hàng vạn chiến sĩ cách mạng bị địch bắt bớ tù đày, tra tấn bằng đủ thứ cực hình vẫn một dạ trung kiên.+ Những chiến sĩ ôm bom ba càng, bom xăng xông lên ngăn xe tăng địch. + Những thanh niên xung phong biến mình thành cọc tiêu bên bom nổ chậm, dẫn đường cho đoàn xe ra trận, biết mình có thể hi sinh vẫn không chùn bước Cái chết – sự hi sinh trở thành vũ khí vô hình,+ Luôn lạc quan hướng về tương lai *“Hòn Vọng Phu suốt dọc chiều dài đất Việt cũng luôn quay về hướng đông, nơi có Mặt Trời lên mỗi sáng, bình mình*”→ Tác giả đã liệt kê ra hàng loạt những hành động việc làm tiêu biểu sẵn sàng hi sinh về nghĩa lớn. Trong lịch sử của dân tộc còn nhiều lắm những hành động việc làm vĩ đại mà không thể kể ra hết nhưng tất cả để thể hiện con người Việt Nam kiên cường bất khuất. **Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu phần kết thúc vấn đề- lời nhắn nhủ của tác giả****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.****GV chiếu đoạn văn cuối bài:****“***Cần nhiều tượng đài tôn vinh, ghi tạc công ơn của nhữn người con ưu tú vì Tổ quốc! Nhưng tượng đài vĩ đại nhất là hình hài Tổ quốc, có máu xương, mồ hôi, công sức, trí tuệ của lớp anh hùng, liệt sĩ, quan bao thăng trầm vẫn nguyên vẹn tròn đầy; là dân tộc với cuộc sống hòa bình, độc lập, tự do, ngày một ấm no, hạnh phúc!”* **Giáo viên đặt câu hỏi:**(1) Ở thời điểm 27-7 được nêu ở cuối bài giúp em hiểu thêm gì về nội dung của bài viết.(2) Chỉ ra nghệ thuật lập luận của tác giả trong đoạn văn và tác dụng.(3) Em hiểu "*tượng đài vĩ đại nhất*" mà tác giả muốn nói tới là gì? Vì sao đó lại là tượng đài vĩ đại nhất?- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- Học sinh thực hiện nhiệm vụ;**Bước 3: Báo cáo thảo luận.**- Học sinh trả lời câu hỏi.- Giáo viên gọi học sinh khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá, kết luận**- Giáo viên nhận xét, bổ sung,  | **II. Đọc – hiểu văn bản****1. Ý nghĩa nhan đề và sự ra đời của văn bản.***-“Tượng đài vĩ đại nhất”* theo nghĩa bóng muốn nói tới sự hi sinh của các vị anh hùng để dành độc lập cho dân tộc. Sự hi sinh đó được thế hệ trẻ ghi nhớ, tự hào và biết ơn.  - Ngày 27/7/2017 kỉ niệm 70 năm thành lập ngày thương binh liệt sĩ. Nhân dịp đó văn bản ra đời như một lời tri ân của tác giả tới các vị anh hùng đã ngã xuống hi sinh cho tổ quốc.=> Nhan đề gợi mở nội dung của văn bản: tri ân đến các vị anh hùng hi sinh vì nghĩa lớn.**2. Trình tự triển khai vấn đề nghị luận trong văn bản** **a. Khái quát chung vấn đề**- Ý khái quát được nêu trong phần (1) là: con người Việt Nam luôn có sự hi sinh cao cả vì nghĩa lớn, vì cộng đồng, dân tộc.- Vấn đề đó rất đáng quan tâm vì sự hi sinh đó là sự hi sinh cuộc sống, máu xương của bao người để đánh đổi lấy tương lai tương sáng cho dân tộc.**b. Giải quyết vấn đề: Những tượng đài vĩ đại của dân tộc.**- Mục đích của văn bản là để cho người đọc thấy được những tượng đài vĩ đại của dân tộc Việt Nam, đặc biệt là trong công cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm và cho người đọc hiểu được "Tượng đài vĩ đại nhất" là gì.- Lí lẽ và bằng chứng cụ thể được tác giả nêu trong văn bản để làm sáng tỏ mục đích đó là:

|  |  |
| --- | --- |
| **Lí lẽ** | **Dẫn chứng** |
| Ở đâu trên đất Việt Nam cũng có những câu chuyện về sự hi sinh cao cả vì nghĩa lớn vì cộng đồng. | Người ở vùng quê, người ở phố đều sẵn sàng xả thân khi Tổ Quốc lâm nguy |
| Ở đâu trên đất Việt Nam cũng có những anh hùng liệt sĩ xả thân vì dân tộc | Tây Bắc, Việt Bắc đến miền Trung, Nam Bộ, Tây Nguyên… đường Trường Sơn đến biển Đông, trên không |
| Cách hi sinh vì nghĩa lớn của dân ta cũng thật đáng tự hào | Ra pháp trường vẫn lạc quan tin vào chiến thắng; bị bắt đi đày, tra tấn vẫn một lòng trung kiên; chiến sĩ ôm bom ngăn giặc; chiến sĩ làm cọc tiêu bên bom nổ chậm… |
| Nghệ thuật: | Liệt kê, phép lặp có tác dụng làm cho câu văn có nhịp điệu, tạo ấn tượng mạnh với người đọc, nhấn mạnh vào những tấm gương anh hùng.  |

**3. Lời nhắn gửi của tác giả.**- Thời điểm 27-7 được nêu ở cuối bài giúp em hiểu nội dung bài viết là nhân dịp ngày Thương binh liệt sĩ, tác giả viết bài để tưởng nhớ công ơn những anh hùng, liệt sĩ đã hi sinh để bảo vệ Tổ quốc.- "Tượng đài vĩ đại nhất": là hình hài Tổ quốc. Vì hình hài Tổ quốc có máu xương, mồ hôi, công sức, trí tuệ của lớp lớp anh hùng, liệt sĩ qua bao thăng trầm vẫn nguyên vẹn, tròn đầy.**-** Tác giả đã gửi đến thông điệp “Tượng đài vĩ đại nhất là hình hài Tổ quốc, có máu xương, mồ hôi công sức, trí tuệ của lớp lớp anh hùng, liệt sĩ, qua bao thăng trầm vẫn nguyên vẹn, tròn đầy; là dân tộc với cuộc sống hòa bình, độc lập, tự do, ngày một ấm no, hạnh phúc!”- Không có tượng đài nào có thể tạc hết sự hi sinh của con người Việt Nam. - Kết thúc vấn đề là sự tri ân tới các vị anh hùng đã hi sinh vì đất nước và là niềm tự hào về lịch sử vẻ vang của dân tộc.  |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- Giáo viên yêu cầu: *Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của văn bản.*..- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- Học sinh thực hiện nhiệm vụ.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Học sinh trả lời và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của bản thân và bạn.**Bước 4: Đánh giá, kết luận**- GV đánh giá học sinh- Kết luận nội dung tổng kết. | **III. Tổng kết.****1. Nghệ thuật**- Sử dụng nghệ thuật lặp, liệt kê… để đưa ra các dẫn chứng thuyết phục.- Dẫn chứng rõ ràng, chân thật.- Lập luận chặt chẽ, các đoạn liên kết với nhau. - Văn bản mạch lạc hướng đến mục đích chung nói đến sự tri ân các anh hùng. **2. Nội dung.**- Văn bản thể hiện những suy nghĩ về sự hi sinh cao cả của biết bao nhiêu đồng chí, đồng bào để có được đất nước hôm nay. - Tự hào về những trang lịch sử vẻ vang của dân tộc. \* Văn nghị luận: ý kiến nêu lên phải rõ ràng. Dẫn chứng lí lẽ hợp lí, thuyết phục. Lập luận chặt chẽ, liên kết. Văn bản phải mạch lạc rõ ràng. Bố cục rõ ràng, đầy đủ |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Học sinh tham gia trò chơi, làm bài tập để phát huy phẩm chấtnănglực**.**

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, bài làm của học sinh

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

 **Trò chơi “Ai nhanh hơn”**

 **Câu 1: Người có công với đất nước được nhân dân suy tôn là gì?**

 A. Thành hoàng B. Thánh mẫu C. Anh hùng dân tộc D. Thủy tổ

 **ĐÁP ÁN: C. Anh hùng, dân tộc**

**Câu 2.** *Những người có công lao với đất nước được thờ tự chính ở đâu?*

 *B.* Chùa B. Miếu C. Đình D. Đền

**ĐÁP ÁN: C. Đình**

**Câu 3***. Những người có công với làng xã xưa thường được nhân dân các làng xã suy tôn là gì?*

A**.** Vua B. Thần C. Thánh D. Thành hoàng

**ĐÁP ÁN: D. Thành hoàng**

**Câu 4.** *Nơi thờ tự người có công với làng xã mà nhân dân xây dựng để tưởng nhớ gọi là gì?*

1. Chùa B. Miếu C. Lăng D. Đình

 **Câu 5.** *Ghi nhớ công ơn lớp cha anh đi trước là biểu hiện truyền thống nào?*

1. Yêu nước B. Biết ơn C. Nhân ái D. Đoàn kết

**ĐÁP ÁN : B. Biết ơn**

**Câu 6.** *Kính trọng, biết ơn thầy cô giáo là biểu hiện của truyền thống nào?*

 B.Yêu nước B. Hiếu học C. Tôn sư trọng đạo D. Đoàn kết

**ĐÁP ÁN : C. Tôn sư trọng đạo**

**Câu 7.** *Tượng đài tổ quốc ghi công được xây dựng nhằm mục đích gì?*

 A. Tri ân các anh hùng liệt sĩ B. Thu hút khách tham quan du lịch

**ĐÁP ÁN : A. Tri ân các anh hùng liệt sĩ**

**Câu 8.** - "Tượng đài vĩ đại nhất" theo lời tác giả Uông Ngọc Dậu là gì?

 A.Tượng đài Bác Hồ C. Tượng đài bà mẹ Việt Nam

 B.Tượng đài liệt sĩ D. Hình hài tổ quốc

**ĐÁP ÁN : D. Hình hài tổ quốc**

**Câu 9.** – Từ nào trong văn bản "*Tượng đài vĩ đại nhất*" của tác giả Uông Ngọc Dậu nêu đúng thái độ của tác giả trước “*Cách hi sinh vì nghĩa lớn của người con đất Việt*”

 A.Tự hào C. Trung kiên

 B.Lạc quan D. Run sợ

**ĐÁP ÁN A. Tự hào**

**Câu 10.** Bức ảnh chụp tượng đài Mẹ Việt Nam anh hùng ở Quảng Nam đưa vào văn bản không nhằm mục đích gì?

1. Làm cho cách trình bày của văn bản thêm sinh động
2. Minh họa cho sự ghi nhận những hi sinh của các bà mẹ Việt Nam
3. Cho thấy những người mẹ Việt Nam anh hùng xứng đáng được dựng tượng đài nhất
4. Cho thấy một trong cách ghi nhớ công ơn của những người con ưu tú vì tổ quốc.

**ĐÁP ÁN : C.** Cho thấy những người mẹ Việt Nam anh hùng xứng đáng được dựng tượng đài nhất

**Bước 3**: **Báo cáo, thảo luận**

Người dẫn chương trình trong vai thần cửa sẽ đưa ra câu hỏi, học sinh tham gia giúp hoàng tử giải cửu công chúa sẽ trả lời câu hỏi

**Bước 4:** **Đánh giá, kết luận.**

HS đánh giá mức độc hoàn thành nhiệm vụ của học sinh

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để củng cố kiến thức.

**b. Nội dung :** Học sinh vận dụng hiểu biết của bản thân để giải quyết vấn đề học tập về thực hiện đạo lí “*Uống nước nhớ nguồn”* đặt ra từ văn bản.

**c. Sản phẩm:** Lời chia sẻ của học sinh về việc tốt mình đã làm

**d.Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV phổ biến nhiệm vụ**:**  *Hãy tham gia chuyên mục “Hoa việc tốt”:*  kể những hoạt động thể hiện lối sống biết ơn mà em đã tham gia bằng cách mỗi việc làm đó thể hiện trên một bông hoa của cây hoa việc tốt. Người nào cây hoa có nhiều bông hoa việc tốt là người được điểm cao nhất

 **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

 HS sẽ báo cáo nhiệm vụ qua kĩ thuật phòng tranh

 **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**

**-**HS đánh giá lẫn nhau theo tiêu chí giáo viên cung cấp

 **Tiêu chí đánh giá**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **Tiêu chí** |  **Nhận xét, đánh giá** |  **Mức điểm (Tối đa 2 điểm/ tiêu chí** | **Góp ý chỉnh sửa** |
| 1.Số việc tốt đã làm |  |  |  |
| 2. Việc tốt thể hiện đúng chủ đề. |  |  |  |
| 3. Hình thức trình bày  |  |  |  |
| 4. Sự cân đối, hợp lí của cây hoa |  |  |  |
| 5. Sự sáng tạo |  |  |  |

**\*Giao bài,hướng dẫn học bài,làm bài và chuẩn bị bài tiếp theo**

 **Hướng dẫn tự học**

- Học và nắm chắc ND bài học.

HS hoàn thiện các bài tập phần Thực hành Tiếng Việt.

**Hướng dẫn chuẩn bị bài:**

- Tìm hiểu về các tượng đài được xây dựng trên đất nước Việt Nam, ý nghĩa các tượng đài.

- Vận dụng kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận tìm hiểu: Thực hành đọc hiểu “Tượng đài vĩ đại nhất” – Uông Ngọc Dậụ